

Báo cáo thị trường

Báo cáo ngày: Chỉ số tiếp tục phục hồi trong các phiên tiếp theo

29/07/2026

Chỉ số VN-Index tăng 24 điểm (+1.4%), đóng cửa ở mức 1,704.7 điểm. Chỉ số tích lũy quanh vùng 1,680 điểm trước khi tăng điểm mạnh trong phiên chiều nhờ lực cầu tham gia ở các cổ phiếu nhóm Vingroup. Ngoài ra, lực mua cũng lan tỏa sang các cổ phiếu trụ khác như MWG, HPG và FPT, giúp cho chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và vượt qua mốc 1,700 điểm.

Sự phục hồi xuất hiện ở nhiều nhóm ngành trong 2 phiên vừa qua cũng cho thấy tín hiệu tích cực đối với xu hướng trong ngắn hạn của chỉ số VN-Index. **Với đà phục hồi tích cực này, chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ tiếp cận ngưỡng cản 1,718 - 1,725 điểm và sau đó có thể tích lũy trong vùng giá 1,680 - 1,720 điểm trong những phiên kế tiếp.** Các nhịp điều chỉnh của chỉ số trong vùng giá này có thể là thời điểm giải ngân phù hợp đối với NĐT đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao. NĐT có thể tiến hành giải ngân đối với các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng tích cực trong 12 tháng kế tiếp và có mặt bằng định giá hấp dẫn.

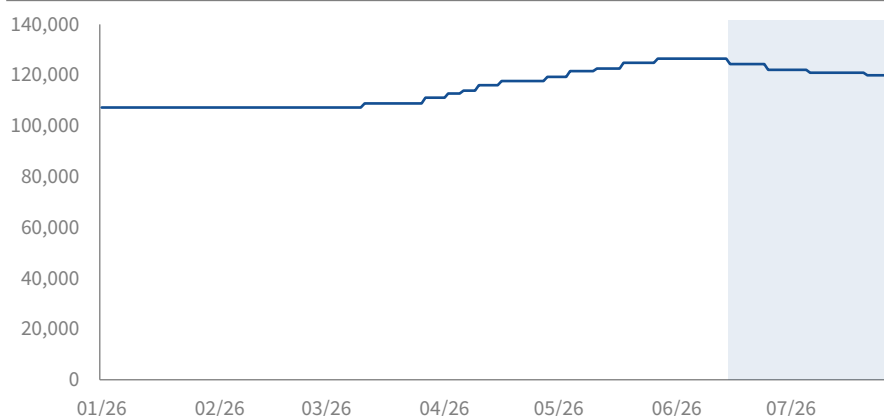
Khối ngoại bán ròng 85 tỷ VND trong phiên hôm nay, trong đó NĐTNN tập trung bán ròng cổ phiếu VHM, VIX và HDB.

Hầu hết các mã HDTL chỉ số VN30 và VN100 tăng điểm trong phiên hôm nay. Với HDTL chỉ số VN30, HĐ mã 41I1GC000 tăng mạnh nhất (+1.5%). Với HDTL chỉ số VN100, HĐ mã 41I2H3000 tăng mạnh nhất (+1.2%).

Tính đến ngày 29/07/2026, đã có 183/421 DN trên sàn HSX công bố KQKD Q2 2026 (chi tiết theo dõi tại **Phụ lục Tổng quan KQKD toàn thị trường Q2 2026** tại trang 10).

Giá tôn lạnh trong nước hạ nhiệt do áp lực nguồn cung giá rẻ từ Ấn Độ và Indonesia làm giảm giá HRC đầu vào

Giá bán tôn lạnh 0.45mm của Hoa Sen từ T1 2026 - nay [VND/m²]



Nguồn: Wifeed, TVS Research tổng hợp

Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	% Thay đổi
VN-Index		
Đóng cửa	1,705	1.4%
KLGD [triệu CP]	561	-30.6%
GTGD [tỷ VND]	14,388	-25.2%
Khớp lệnh	11,757	-13.8%
Thoả thuận	2,631	-53.0%
HNX-Index		
Đóng cửa	271.7	0.8%
KLGD [triệu CP]	38	-43.6%
GTGD [tỷ VND]	558	-41.7%
UPCoM		
Đóng cửa	126.2	0.3%
KLGD [triệu CP]	16	-45.2%
GTGD [tỷ VND]	274	-39.8%

Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ►
- Vì sao thị trường tăng điểm? ►
- Quan điểm thị trường ►
- Các thông tin đáng chú ý ►
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ►
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ►
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ►
- KQKD Q2 2026 toàn thị trường ►

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên phân tích

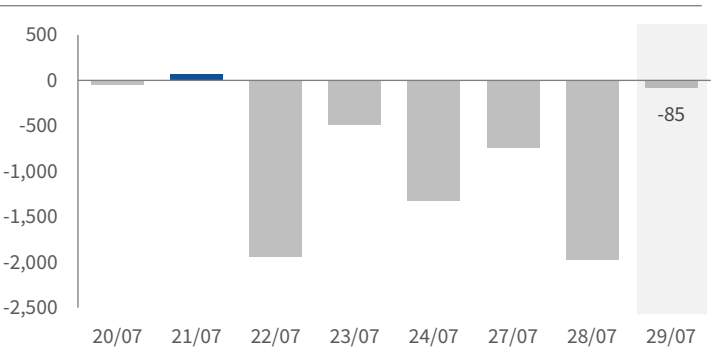
Tổng quan thị trường hôm nay

NĐTNN thu hẹp mức bán ròng trong phiên hôm nay

VN-Index 560.5 triệu CP ▲ 1,705 (+1.4%) 14,388 tỷ VND (-25.2%)
HNX-Index 38.1 triệu CP ▲ 272 (+0.8%) 558 tỷ VND (-41.7%)
UPCoM-Index 16.5 triệu CP ▲ 126 (+0.3%) 274 tỷ VND (-39.8%)

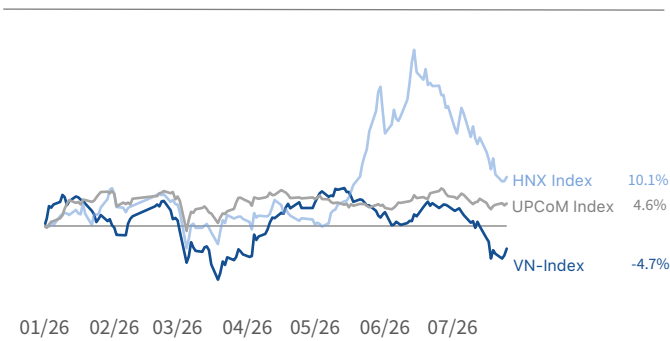
NĐTNN bán ròng 85 tỷ trong phiên hôm nay

Giá trị mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



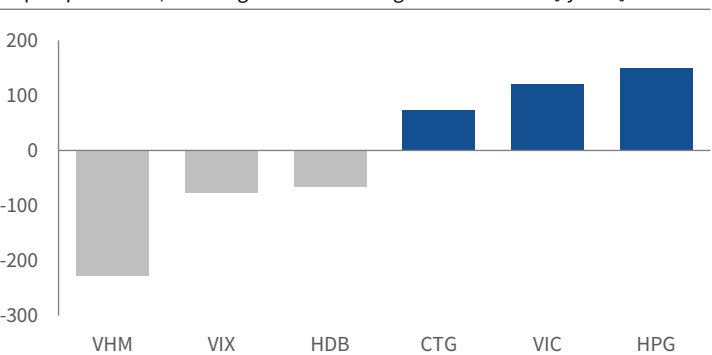
Hiệu suất YTD của các chỉ số cải thiện trong hôm nay

Hiệu suất tính từ đầu năm 2026 của các chỉ số [%]



NĐTNN tập trung bán ròng VHM, VIX và HDB

Top cổ phiếu mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



Hầu hết các chỉ số chứng khoán chúng tôi theo dõi tăng điểm trong phiên hôm nay

Hiệu suất của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	KLGD [triệu CP]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,705	561	1.4%	0.7%	15.4	2.0	1,800	1,730	61	1,682
VN30	Việt Nam	1,849	277	1.4%	-8.9%	13.1	2.2	1,950	1,829	60	1,825
HNX-Index	Việt Nam	272	38	0.8%	9.2%	28.5	1.7	294	275	46	271
S&P 500	Mỹ	7,429	5,474	0.0%	8.5%	26.9	5.5	7,580	7,300	49	7,423
Dow Jones	Mỹ	52,747	553	1.0%	9.7%	25.5	6.0	52,960	51,290	67	52,321
FTSE 100	Anh	10,871	848	0.0%	9.5%	14.1	2.1	10,750	10,400	62	10,841
Euro Stoxx 50	Euro	6,297	0	0.0%	8.6%	16.9	2.3	6,420	6,050	41	6,297
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,828	57,123	1.1%	-3.5%	13.2	1.3	3,980	3,740	51	3,819
SZSE Component	Trung Quốc	13,658	25,252	0.4%	1.0%	27.2	2.3	14,770	13,350	46	13,707
Hang Seng	Hồng Kông	25,808	3,870	2.0%	0.7%	11.8	1.3	26,390	23,927	72	25,367
Nikkei 225	Nhật Bản	61,724	130	-1.0%	22.6%	24.2	2.5	68,767	63,153	35	62,566
KOSPI	Hàn Quốc	5,663	449	-6.0%	34.4%	18.8	1.3	7,477	5,940	28	6,124

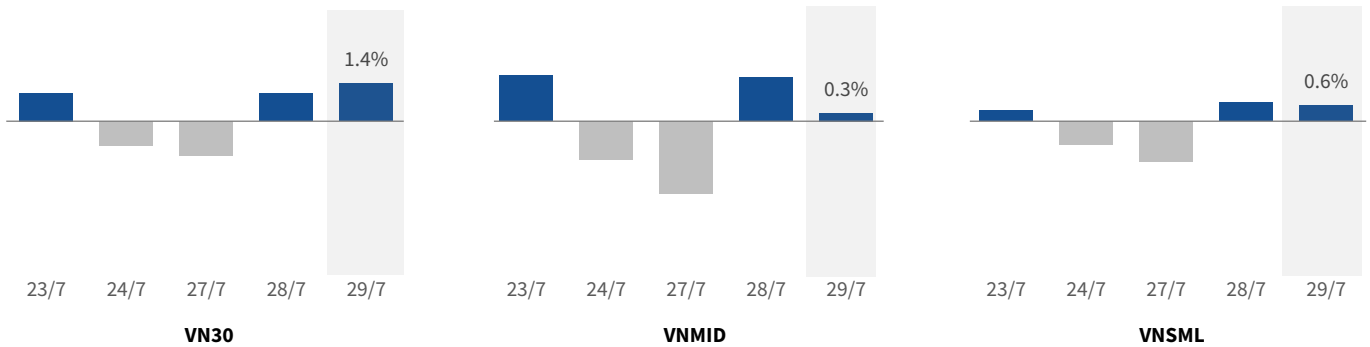
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Investing.com, TVS Research

Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

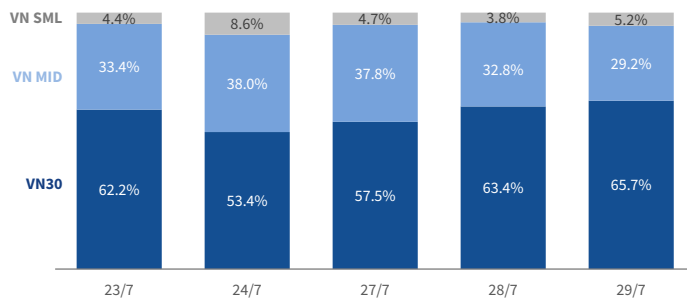
Nhóm VN 30 tăng mạnh nhất trong phiên hôm nay

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



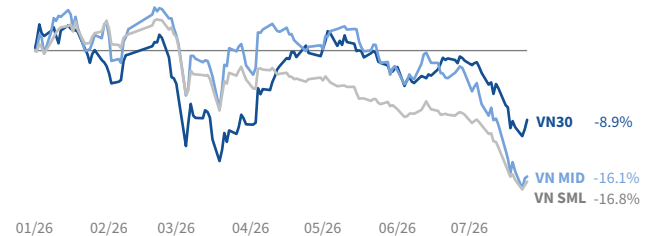
GTGD trên HOSE tiếp tục tập trung tại nhóm VN30

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



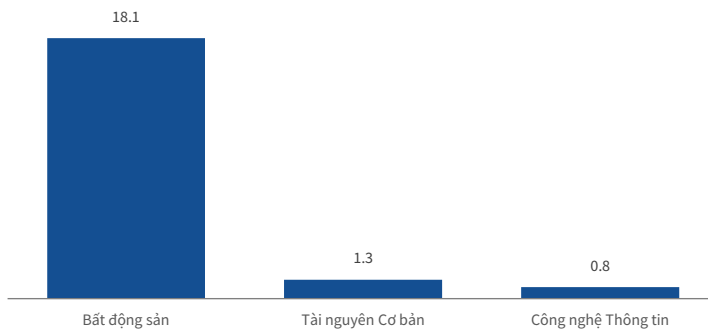
Hiệu suất YTD của các nhóm chỉ số tiếp tục phục hồi

Hiệu suất của các chỉ số từ đầu năm 2026 [%]



Nhóm BDS tăng kéo điểm chỉ số ...

Các ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



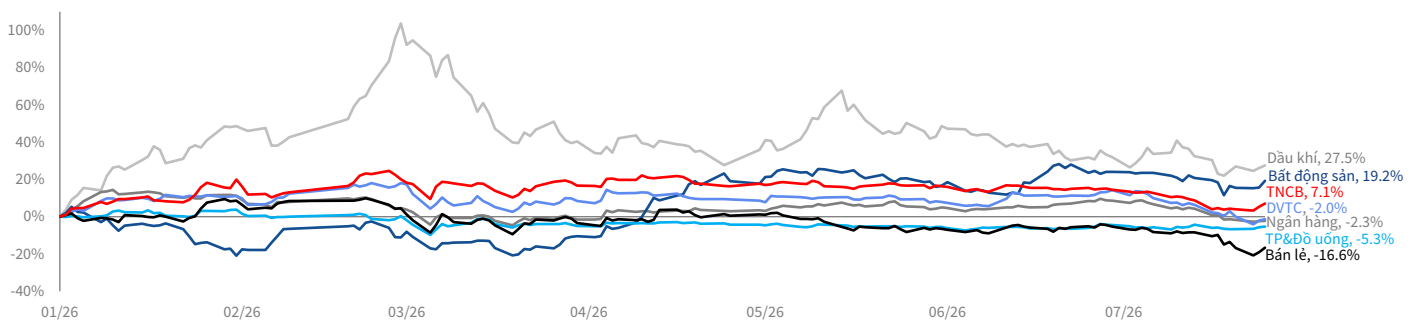
... trong khi chỉ có 3 nhóm ngành giảm nhẹ

Các ngành đóng góp tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



Hiệu suất YTD của nhóm Tài nguyên cơ bản cải thiện trong phiên hôm nay

Hiệu suất các nhóm ngành từ đầu năm 2026 [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Vì sao thị trường giảm điểm?

VN-Index phục hồi lên trên mức 1,700 điểm trong hôm nay

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	37	50	Mua	Simple Moving Average (20)	1,775	1,705	Bán
Stochastic %K	100%	40%	Mua	Simple Moving Average (50)	1,816	1,705	Bán
Momentum (10)	48	40	Mua	Simple Moving Average (100)	1,796	1,705	Bán
MACD level (12,36)	-42	0	Bán	Simple Moving Average (200)	1,773	1,705	Bán
Tín hiệu mua			3	Exponential Moving Average (20)	1,754	1,705	Bán
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,795	1,705	Bán
Tín hiệu bán			1	Exponential Moving Average (100)	1,796	1,705	Bán
				Exponential Moving Average (200)	1,742	1,705	Bán
				Bollinger Band (20)	1,775	1,705	Bán
				Tín hiệu mua			0
				Tín hiệu trung tính			0
				Tín hiệu bán			9

Sự phục hồi xuất hiện ở nhiều nhóm ngành trong 2 phiên vừa qua cũng cho thấy tín hiệu tích cực đối với xu hướng trong ngắn hạn của chỉ số VN-Index. Với đà phục hồi tích cực này, chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ tiếp cận ngưỡng cản 1,718 - 1,725 điểm và sau đó có thể tích lũy trong vùng giá 1,680 - 1,720 điểm trong những phiên kế tiếp. Các nhịp điều chỉnh của chỉ số trong vùng giá này có thể là thời điểm giải ngân phù hợp đối với NĐT đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao. NĐT có thể tiến hành giải ngân đối với các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng tích cực trong 12 tháng kế tiếp và có mặt bằng định giá hấp dẫn.

Thông tin ngành/doanh nghiệp:

TV2 (HSX, Giá đóng cửa: 25,350 VND, +7%): TV2 công bố KQKD Q2 2026 với doanh thu và LNST lần lượt đạt 438 tỷ VND (+103% YoY) và 48.5 tỷ VND (gấp 8.5 lần svck); lũy kế 6T 2026, doanh thu đạt 682.2 tỷ VND (+32.3% YoY) và LNST đạt 102.3 tỷ VND (gấp 3 lần svck). Tăng trưởng tích cực đến từ (1) mảng tư vấn truyền thông, O&M và phát điện ghi nhận doanh thu ổn định và (2) mảng EPC tăng trưởng tích cực với việc ghi nhận một phần doanh thu từ dự án NMDG Tân Thuận GĐ 3. LNST tăng nhanh hơn doanh thu phần lớn đến từ doanh thu hoạt động tài chính đạt 44 tỷ VND, trong khi cùng kỳ chỉ đạt 2.8 tỷ VND, chủ yếu nhờ khoản lãi công ty thu được từ việc gửi tiết kiệm các khoản tạm ứng của khách hàng EPC. TVS Research cho rằng triển vọng KQKD của TV2 trong các quý tới là tích cực nhờ (1) khối lượng backlog EPC hơn 10,000 tỷ VND được ghi nhận dần trong giai đoạn 2026 - 2028 khi các dự án trong backlog đang được thực hiện đúng tiến độ và (2) LNST tiếp tục tăng trưởng nhờ đóng góp từ các công ty LDLK và các khoản lãi tiền gửi. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sẽ chậm lại đáng kể so với 6T đầu năm do mức nền thấp của H1 2026.

VIB (HSX, Giá đóng cửa: 35,100 VND, -0.1%): DPR công bố KQKD Q2 2026 với doanh thu và LNST lần lượt đạt 280 tỷ VND (+39.1% YoY) và 100 tỷ VND (+60.9% YoY). Giá bán cao su bình quân trong quý tăng 11% YoY (lên 58.2 triệu VND/tấn) đã khiến cho doanh thu tăng trưởng tích cực và cải thiện BLNG của doanh nghiệp từ 33% (Q2 2025) lên 40.4%, bù đắp cho sản lượng tiêu thụ giảm 3.8% svck. Chúng tôi nhận định KQKD H2 của DPR sẽ tiếp tục diễn biến khả quan khi giá cao su neo cao trước tình trạng thiếu hụt cung kéo dài, khi các quốc gia xuất khẩu cao su lớn như Thái Lan và Indonesia chịu thời tiết bất lợi làm suy giảm nguồn cung.

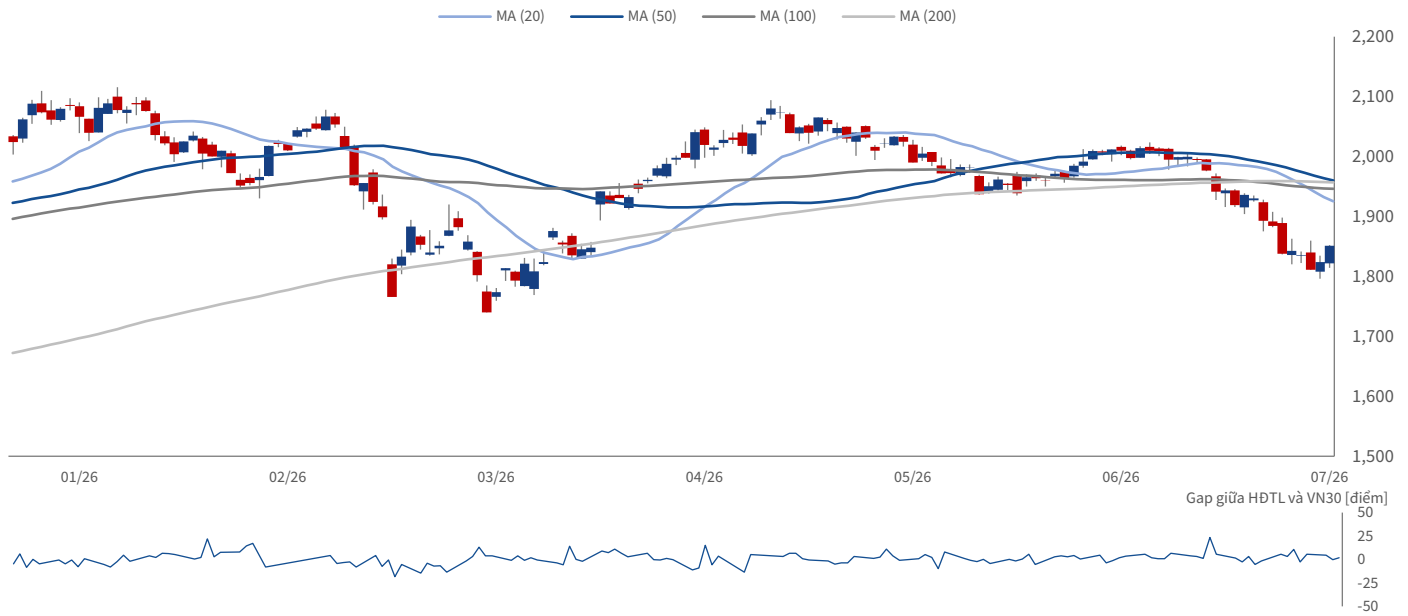
- 1/7 Mỹ - Công bố số liệu PMI T6
Việt Nam - Công bố số liệu PMI T6
- 2/7 Mỹ - Công bố số liệu tỷ lệ thất nghiệp T6
- 3/7 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế vĩ mô T6 2026
- 14/7 Mỹ - Công bố số liệu về CPI T6
- 16/7 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh HĐTL VN30 và VN100
- 30/7 Mỹ - Công bố quyết định điều hành lãi suất

Diễn biến thị trường tương lai chỉ số VN30

Thị trường tương lai

HĐTL VN30F1M tăng 27 điểm (+1.5%) trong phiên hôm nay

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30F1M [điểm]



Bảng giá Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 và VN100

Mã hợp đồng	Ngày đáo hạn	Basis	Khớp lệnh			NĐTNN (HĐ)		
			Giá	+/-	+/- (%)	NN mua	NN bán	Tổng KLGD
41I1G8000	20/08/2026	1.9	1,851	27.0	1.5%	9,828	8,276	229,752
41I1G9000	17/09/2026	0.9	1,850	26.0	1.4%	190	54	460
41I1GC000	17/12/2026	-1.1	1,848	28.0	1.5%	10	13	58
41I1H3000	18/03/2027	-2.6	1,847	26.5	1.5%	3	11	43
41I2G8000	20/08/2026	0.0	1,763	12.2	0.7%	2	0	21
41I2G9000	17/09/2026	1.5	1,764	18.0	1.0%	0	0	6
41I2GC000	17/12/2026	-18	1,745	0.0	0.0%	0	0	0
41I2H3000	18/03/2027	-1.3	1,761	21.5	1.2%	0	0	3

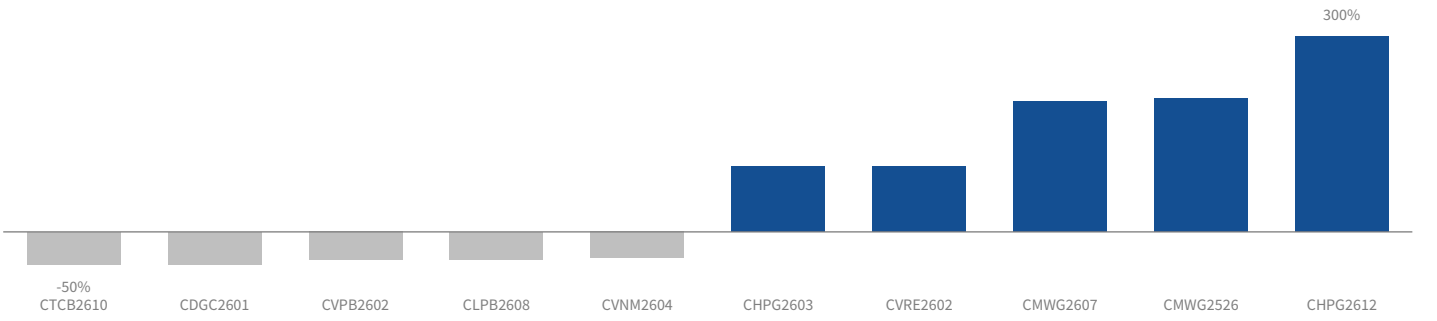
Diễn biến thị trường tương lai

Hầu hết các mã HĐTL chỉ số VN30 và VN100 tăng điểm trong phiên hôm nay. Với HĐTL chỉ số VN30, HĐ mã 41I1GC000 ghi nhận mức tăng mạnh nhất (+1.5%). Với HĐTL chỉ số VN100, HĐ mã 41I2H3000 ghi nhận mức tăng mạnh nhất (+1.2%).

Diễn biến thị trường chứng quyền

Mã chứng quyền CHPG2612 tăng mạnh nhất (+300%) trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Diễn biến tăng được ghi nhận trên thị trường chứng quyền

- Thị trường chứng quyền nghiêng về phía tăng trong phiên hôm nay. Trong đó, mã chứng quyền CHPG2612 ghi nhận mức tăng mạnh nhất (+300%). Ở chiều ngược lại, mã chứng quyền CTCB2610 ghi nhận mức giảm mạnh nhất (-50%)
- 3/5 mã chứng quyền trong danh sách chúng tôi theo dõi tăng trong phiên giao dịch hôm nay. Trong đó, mã chứng quyền CVHM2523 ghi nhận mức tăng mạnh nhất (+16.4%). Ở chiều ngược lại, mã chứng quyền CMWG2524 ghi nhận mức giảm mạnh nhất (-25%)

Danh sách CW quan sát

Mã CW	TCPH	Ngày GDCC	Khớp lệnh		Giá thực hiện	Tỷ lệ chuyển đổi	Khối lượng
			Giá đóng cửa	%			
CMWG2524	VND	04/09/2026	90	-25.0%	89,300	4.0:1	118,400
CVHM2523	Kafi	14/10/2026	3,200	16.4%	26,814	7.7:1	38,700
CSTB2604	ACBS	22/10/2026	2,640	-1.1%	30,500	5.0:1	107,300
CFPT2610	ACBS	11/02/2027	330	6.5%	86,348	11.8:1	572,400
CHPG2604	ACBS	22/10/2026	220	4.8%	124,773	2.7:1	711,400

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Giá đóng cửa, Giá thực hiện có đơn vị là VND/đơn vị

Ngày GDCC: Ngày giao dịch cuối cùng

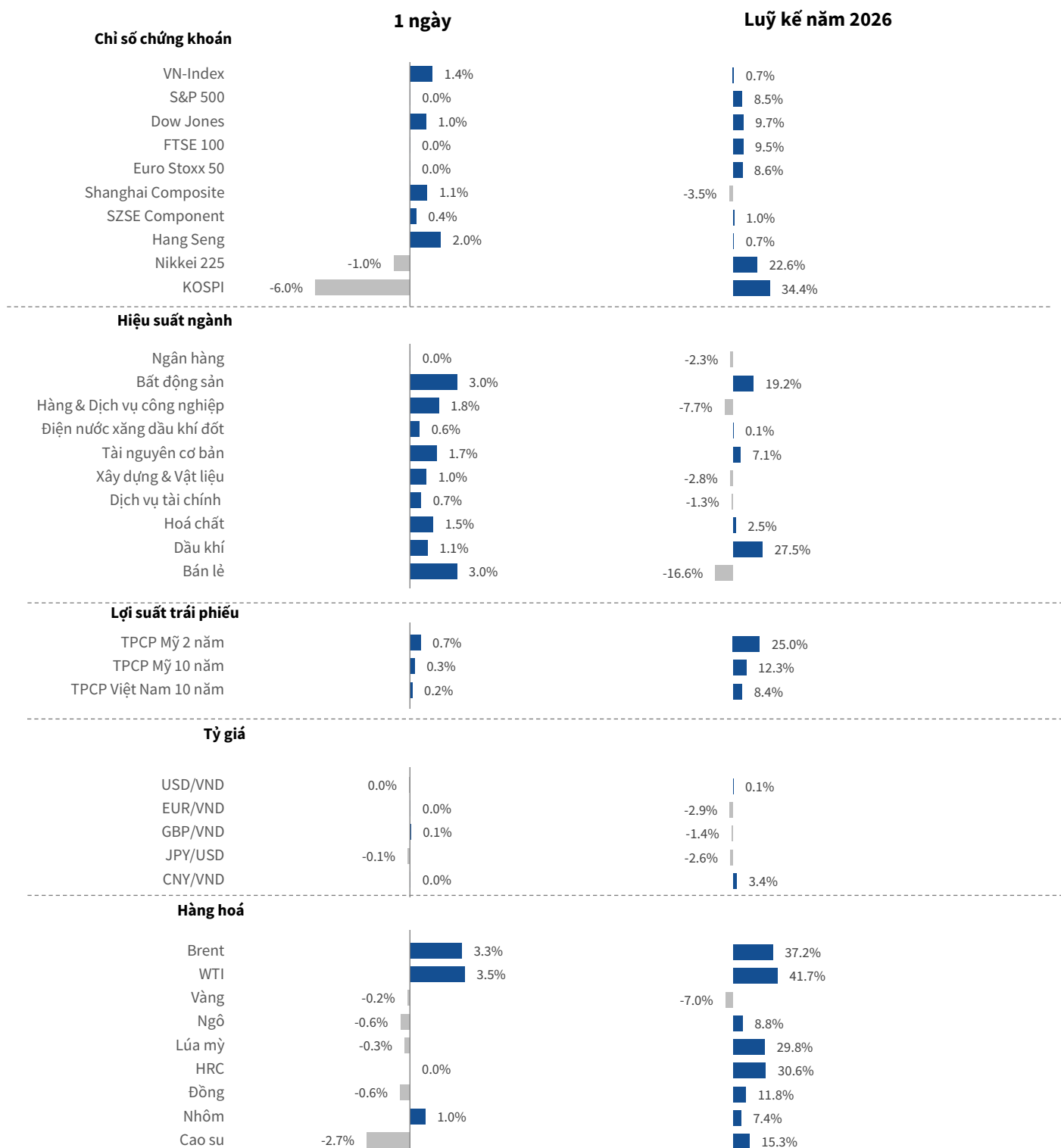
Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa [VND]	Vốn hoá [tỷ VND]	Beta 6m	% ngày	% YTD	P/E (TTM)	P/B (TTM)	Giá mục tiêu	+/-	Ngày ra báo cáo
VPB	Ngân hàng	24,350	193,191	0.9	-1%	-13%	6.5	1.1	37,100	52%	13/02
HDB	Ngân hàng	25,500	127,635	0.6	2%	-15%	7.2	1.6	36,000	41%	13/02
VHM	Bất động sản	140,000	575,038	1.7	6%	10%	8.9	2.2	134,600	-4%	13/02
MWG	Bán lẻ	66,500	98,138	0.8	4%	-26%	12.0	2.8	116,800	76%	13/02
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21,500	8,843	0.7	0%	-5%	7.6	1.3	30,300	41%	13/02
KBC	Bất động sản	27,900	26,275	0.8	0%	-21%	16.3	1.1	43,500	56%	13/02
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21,650	182,790	0.7	3%	-11%	8.7	1.3	33,300	54%	13/02
CTD	Xây dựng và Vật liệu	57,400	6,419	1.1	0%	-20%	7.6	0.7	94,800	65%	13/02
ELC	Công nghệ Thông tin	14,700	1,618	0.4	-2%	-39%	13.3	1.2	29,800	103%	13/02
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66,300	96,823	0.6	1%	-15%	14.3	2.4	102,000	54%	13/02
MBB	Ngân hàng	22,100	178,015	0.5	0%	-9%	6.4	1.2	32,700	48%	13/02
DGW	Bán lẻ	35,350	7,818	0.7	4%	-11%	9.3	2.1	58,400	65%	13/02

Danh sách báo cáo gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T6 2026	Vĩ mô	10/07/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T6 2026	Thị trường	10/07/2026
Báo cáo ngành	Cập nhật ngành Ngân hàng	Ngành	26/06/2026
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T5 2026	Vĩ mô	10/06/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T5 2026	Thị trường	10/06/2026
Kết quả kinh doanh	Báo cáo KQKD Q1 2026	KQKD	08/05/2026
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T4 2026	Vĩ mô	08/05/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T4 2026	Thị trường	08/05/2026
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật ĐHCĐ VHC	VHC	07/05/2026
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật ĐHCĐ MSH	MSH	29/04/2026
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật ĐHCĐ DGW	DGW	23/04/2026
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật ĐHCĐ PVD	PVD	22/04/2026
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật ĐHCĐ TNG	TNG	22/04/2026
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật vĩ mô T3 2026	Vĩ mô	10/04/2026
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T3 2026	Thị trường	10/04/2026

Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research

Tổng quan KQKD Q2 2026 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa	Vốn hóa	DT Q2/2026	% YoY	LNST Q2/2026	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
Ngân hàng (11/27 DN)												
TCB	28,400	201,249	14,942	17.3%	7,727	21.7%	15.7%	2.3%	3,829	25,283	7.4	1.1
VPB	24,350	193,191	23,484	42.0%	8,776	77.7%	17.7%	2.2%	3,758	22,476	6.5	1.1
LPB	52,600	157,131	6,058	23.3%	2,521	5.2%	24.7%	1.9%	3,780	14,405	13.9	3.7
ACB	22,300	129,439	9,143	-1.6%	4,292	-12.1%	16.3%	1.5%	2,701	17,110	8.3	1.3
VIB	14,400	49,018	5,368	4.9%	1,905	-8.2%	15.7%	1.3%	2,180	14,053	6.6	1.0
Bất động sản (40/132 DN)												
KSF	77,900	70,093	10,897	4536.6%	4,535	10967.0%	77.4%	11.8%	17,023	23,786	4.6	3.3
VRE	22,750	51,695	2,374	10.8%	1,609	30.4%	15.0%	11.8%	3,191	21,701	7.1	1.1
VEF	73,300	12,063	388	7882.0%	401	6.4%	10.1%	2.3%	4,159	43,314	17.4	1.7
IJC	7,060	4,445	235	34.1%	86	-11.6%	8.7%	6.3%	1,193	12,565	5.9	0.6
SZC	17,350	3,123	132	-39.3%	19	-80.0%	5.1%	1.9%	887	16,840	19.6	1.0
Thực phẩm và đồ uống (60/158 DN)												
MCH	138,900	181,599	7,165	14.2%	1,484	10.2%	40.1%	21.2%	5,436	14,280	25.6	9.7
MSN	66,300	96,823	28,118	53.5%	3,800	134.7%	19.4%	5.4%	4,640	27,379	14.3	2.4
SAB	43,000	55,150	6,888	1.2%	1,243	-0.6%	22.3%	15.1%	3,723	15,255	11.6	2.8
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (88/259 DN)												
GEE	63,600	40,736	9,524	46.3%	740	30.8%	45.6%	20.5%	5,561	12,575	11.4	5.1
PHP	37,400	12,201	950	44.2%	486	110.2%	19.6%	12.1%	3,743	20,331	10.0	1.8
VGR	94,000	7,770	306	2.7%	133	6.0%	44.8%	37.2%	6,227	13,888	15.2	6.8
Xây dựng và vật liệu (96/343 DN)												
VGC	36,500	16,365	4,462	38.2%	831	54.0%	16.2%	5.3%	3,173	18,739	11.5	2.0
BMP	148,100	12,124	1,320	0.9%	367	11.3%	42.6%	35.3%	15,674	34,839	9.5	4.3
NTP	48,600	9,975	2,167	8.9%	478	49.0%	28.3%	17.2%	5,810	21,224	8.4	2.3
Tài nguyên cơ bản (36/110 DN)												
MSR	35,700	39,672	8,138	404.1%	1,666	29414.7%	19.0%	8.3%	2,209	13,018	16.3	2.8
HSG	10,650	8,597	9,993	5.1%	382	39.6%	5.7%	3.1%	813	14,674	13.1	0.7
HGM	127,000	1,600	42	-85.1%	9	-95.8%	45.4%	37.3%	17,508	33,203	7.3	3.8
Dịch vụ tài chính (37/68 DN)												
TCX	38,650	107,233	3,745	40.8%	1,692	19.1%	13.7%	6.9%	2,237	16,501	17.3	2.3
SSI	23,250	58,151	0	-100.0%	0	-100.0%	0.0%	0.0%	2,152	15,808	10.8	1.5
HCM	25,250	34,086	1,235	15.1%	273	42.0%	9.8%	3.1%	1,324	10,845	19.1	2.3
Các ngành khác (240/550 DN)												
FPT	65,100	111,603	13,789	-17.1%	2,570	-6.2%	26.5%	12.8%	5,869	23,246	11.1	2.8
FOX	62,500	45,452	5,616	17.6%	1,011	12.0%	31.8%	13.2%	4,936	17,289	12.5	3.6
PVI	71,000	16,631	2,403	23.3%	428	0.4%	15.2%	3.0%	5,650	38,825	12.6	1.8
DCM	30,700	16,253	6,712	11.2%	1,067	35.5%	23.7%	14.0%	4,945	21,661	6.2	1.4
DGC	37,850	14,375	2,415	-16.5%	441	-50.5%	13.8%	11.2%	5,625	41,666	6.7	0.9
VN30 (9/30 DN)	1,849	5,993,617	110,162	19.1%	34,443	25.3%	14.4%	2.0%			10.6	1.4
VN100 (35/100 DN)	1,763	7,069,840	179,981	16.9%	43,470	21.8%	13.9%	2.3%			11.1	1.4
HOSE (183/421 DN)	1,705	8,103,726	263,370	15.4%	53,867	20.9%	13.3%	2.5%			12.5	1.5
HNX (181/302 DN)	272	456,654	91,195	37.6%	7,898	146.9%	16.8%	5.5%			10.5	1.6
UPCOM (244/845 DN)	126	1,221,628	91,183	26.0%	12,038	64.2%	14.7%	4.1%			11.9	1.6

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND
Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu
Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, phường Giảng Võ, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Phạm Nguyễn Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên cao cấp
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn